

CÁC MÁY

MACHINERY INSTALLATIONS

Số TT	Tên sản phẩm, Qui cách	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Nhà máy chế tạo, địa chỉ	Số GCN	Ngày cấp
No	Description	Model	Technical Specification	Manufacturer, Address	Certificate No	Date of Issue
1	Thiết bị phun xoay - nâng hạ cầu phà - Điều khiển.	P46	Công suất : 175Sn x 2400 v/p. Mô men x tốc độ xoay lái: 400KGmx360 ⁰ /30s. Lực nâng cầu phà: 550KG. Nguồn cung cấp: 110V x 300 x 50Hz	Viện nghiên cứu thiết kế cơ khí GTVT- Hà nội 80B Trần Hưng Đạo -TP. Hà Nội	0180/CN98	16.04.98
2	Thiết bị phun xoay - nâng hạ cầu phà - Điều khiển	P52	Công suất : 220Sn x 2000 v/p. Mô men x tốc độ xoay lái: 400KGm x 360 ⁰ /30s Lực nâng cầu phà: 550KG. Điện thủy lực. Nguồn điều khiển: 24V x 50A Nguồn cung cấp: 110V x 300 x 50Hz	Viện nghiên cứu thiết kế cơ khí GTVT- Hà nội 80B Trần Hưng Đạo -TP. Hà Nội	0183/CN98	16.04.98
3	Máy uốn tôn	16 - 4.000	Nén điện thủy lực; Đẩy tôn điện cơ. Lượng tiến dao: 05m/s. Tốc độ di chuyển tôn: 149/191(mm/s) Kích thước tôn (thép tấm): ≤ 6 x 1500 x 6000 (mm)	X46 Hải quân. Bộ tư lệnh Hải quân - Thành phố Hải phòng	0228/ CN98	16.05.98
4	Máy nén khí thiên nhiên	NORWALK NQSV35	Q = 127,4 m ³ /h P = 25,3 MPa N = 30 KW n = 724 vg/ps - Kiểu: đứng - Số xi lanh: 03 - Số cấp nén: 03 - Điện áp mô tơ: 220/380 - Tần số: 50 Hz	NORWALK USA	0084/CN99	21.06.99

Số TT	Tên sản phẩm, Qui cách	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Nhà máy chế tạo, địa chỉ	Số GCN	Ngày cấp
No	Description	Model	Technical Specification	Manufacturer, Address	Certificate No	Date of Issue
5	Bình chứa khí thiên nhiên	CAS-0440	- Chiều cao H = 1256 mm - Đường kính thân D= 230 mm - Dung tích: V=24l - Vật liệu: CHROME - MOLY - Áp suất: 42,2 MPa	NEWZEALAND	0086/CN99	21.06.99
6	Trung tâm báo cháy tự động	FAS - 10	- 10 kênh cảnh báo - Nguồn cấp 220V - Số đầu đo mắc cho mỗi kênh + Đo khói 20 + Đo nhiệt 50	VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TÀU THỦY 80B Trần Hưng Đạo - Hà Nội	053/00CN02	11.07.00
7	Giá búa đóng cọc 1,8 T		- Không tự quay, không dịch chuyển - L x B x H = 18 x 6 x 5,4 (m) - Công suất động cơ điện tời: 7,5 KW - Búa 1,8 T	CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 121 Gia Lâm - Hà Nội	002/00CN02	23.02.00
8	Máy lái thủy lực tàu thủy	MLTT 0,5 Tm	Mômen M= 5000 N.m Tốc độ: $t/65^0 = 12s$ $P_{max} = 7MPa$. Số lượng bơm động cơ điện: 02 Số lượng bơm tay: 01 Công suất động cơ điện: 1,1KW (thiết bị thủy lực do Đức chế tạo)	VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TÀU THỦY 80B Trần Hưng Đạo - Hà Nội	0088/CN99	10.05.99

Số TT	Tên sản phẩm, Qui cách	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Nhà máy chế tạo, địa chỉ	Số GCN	Ngày cấp
No	Description	Model	Technical Specification	Manufacturer, Address	Certificate No	Date of Issue
9	Máy lái thủy lực tàu thủy	MLTL-3Tm	<ul style="list-style-type: none"> - Momen lái: 30.000 N.m - Tốc độ $t/65^{\circ} = 12S$ - Pmax = 8 MPa. - Số bơm điện: 02 - Số bơm tay: 01 - Công suất động cơ điện: 3 KW - Thiết bị thủy lực do Đức chế tạo 	VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TÀU THỦY 80B Trần Hưng Đạo - Hà Nội	056/00CN02	12.07.00
10	Máy lái thủy lực 1,5 Tm	MLTL-1,5Tm	<ul style="list-style-type: none"> - Momen lái: 15.000 N.m - Tốc độ $t/65^{\circ} = 12S$ - Số bơm điện 02 - Số bơm tay 01 - Công suất động cơ điện 2,2 KW - Thiết bị thủy lực do Đức chế tạo 	VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TÀU THỦY 80B Trần Hưng Đạo - Hà Nội	135/00CN	28.11.00
11	Máy lái thủy lực tàu thủy	MLTL-8Tm	<ul style="list-style-type: none"> -Momen lái: 80.000 N.m -Tốc độ $t/65^{\circ} = 21 S$ -Pmax = 16 MPa. -Số bơm điện: 02 - Số bơm tay: 01 -Công suất động cơ điện: 5,5 KW -Thiết bị thủy lực do Đức chế tạo 	CÔNG TY VTTB VÀ XD SƠN TÙNG 102 Quan Thánh, Hà Nội	113/02CN03	16.07.02
12	Trạm thủy lực	GUP-100	<ul style="list-style-type: none"> - Tự động cấp dầu duy trì thế năng nguồn, với $P = 60 \div 80$ Bar. - Điều khiển hoạt động cho 16 thiết bị phụ tải. - Áp suất làm việc lớn nhất $P = 100$ Bar - Áp suất làm việc lớn nhất $P = 100$ Bar 	Liên hiệp KHSX nhiệt thủy khí động	071/02CN.02-01	19.11.02

Số TT	Tên sản phẩm, Qui cách	Kiểu	Thông số kỹ thuật	Nhà máy chế tạo, địa chỉ	Số GCN	Ngày cấp
No	Description	Model	Technical Specification	Manufacturer, Address	Certificate No	Date of Issue
13	Máy lái điện thủy lực 2 x 0,8 Tm	Điều khiển đồng bộ 2 máy lái từ lâu lái chung	- Mômen 2 x 8.000 N.m - Áp suất dầu: $P_{LV} = 9,6 \text{ MPA}$ - Tốc độ lái : 16 s/65 ⁰ và 20 s/65 ⁰	Công ty 189 - Quân khu 3 Số 27 Trường Chinh Kiến An, Hải Phòng	151/03CN02-03	07.10.03
14	Phân li nước đáy tàu 0,5 m ³ /h	- Thân hình trụ. - Phân li lọc cưỡng bức	- Hàm lượng dầu: < 15/triệu - Sản lượng: 0,5 m ³ /h - Công suất: 0,7 KW - Thử phù hợp nghị quyết MEPC 107 (49)	Xí nghiệp Bình An - Hải Phòng 37 Minh Khai, Hải Phòng	189/03CN03	20.01.04
15	Phân li nước đáy tàu 1 m ³ /h BA-PL01.0	- Thân hình trụ. - Phân li lọc cưỡng bức	- Hàm lượng dầu: < 15/triệu - Sản lượng: 1 m ³ /h - Công suất: 0,7 KW - Thử phù hợp nghị quyết MEPC 107 (49)	Xí nghiệp Bình An - Hải Phòng 37 Minh Khai, Hải Phòng	186/05CN02	15.08.05
16	Máy lái điện thủy lực Điều khiển tự động và trực tiếp	- Điện thủy lực - Điều khiển tự động và trực tiếp	- Mômen: 175.000 N.m - Tốc độ: 213/650 - Áp suất dầu: $P_{max}=13,2 \text{ MPa}$ - Công suất động cơ điện: N= 11 KW	Công ty cơ khí điện, điện tử tàu thủy - Hà Nội Cầu Giấy — Hà Nội	025/05CN03	20.06.05